TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS-ST
Ngày: 06/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU - PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

`Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Sĩ

Ông Nguyễn Xuân Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Quách Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở thôn Hòa An, xã Xuân Hòa, thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST ngày 25 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

Phạm Văn B, sinh ngày 02 tháng 03 năm 1990, (tên gọi khác: Không) tại Thôn H, xã Xuân H, thị xã C, tỉnh Phú Yên, Nơi cư trú: tại Thôn H, xã Xuân H, thị xã C, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân Tộc: Kinh; Con ông Phạm Văn M và Nguyễn Thị Mai H; Vợ, con: chưa.

Tiền án: Ngày 14/5/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 02 năm tù giam về tội Cố ý gây thương tích chấp hành xong ngày 30/8/2011.

Ngày 31/5/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu xử phạt 03 năm tù giam về tội "Cướp tài sản" chấp hành xong ngày 06/3/2016.

Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại*:**

Ông Nguyễn Anh C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn B, xã Xuân B, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn B, xã Xuân B, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1995;

Ông Nguyễn Công L, sinh năm 1996.

Đều trú tại: Thôn H, xã Xuân C, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1974.

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1969

Đều trú tại: Thôn L, xã Xuân C, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 18/10/2017, Phạm Văn B trên đường đi bộ về Thôn L, xã Xuân C thì phát hiện xe mô tô BKS 78U1-4857 xe gắn sẵn chìa khóa của anh Nguyễn Anh C dựng trước nhà Nguyễn Văn L, tại thôn T, xã Xuân H không có người trong coi nên nảy sinh ý định trộm. B lén lút dắt bộ xe mô tô BKS 78U1-4857 đi một đoạn khoảng 50m rồi khởi động nổ máy xe điều khiển xe chạy đến Dốc Đ thuộc thôn Hòa T do xe bị ngã làm lỏng biển số, Bi tháo vứt biển số xe rồi điều khiển xe về nhà bà Ngô Thị Kim Q ở Hòa L ngủ. Anh C phát hiện bị mất xe nên báo cáo Công an thị xã C. Khi Phạm Văn B đang điều khiển xe thì bị Đồn Công An Đông Bắc thị xã C phát hiện và tạm giữ xe mô tô.

Tại bản kết luận định giá số 56/KL-HĐĐG ngày 14/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô BKS 78U1-4857 nhãn hiệu Yamaha Haikd kiểu dáng wave, số loại 110, số khung 88B460879, số máy 152FMI460879 đăng ký lần đầu vào tháng 2/2010 đã qua sử dụng là 1.600.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển kiểm soát 78U1-4857 nhãn hiệu Yamaha Haikd kiểu dáng wave, số loại 110, sống khung 88B460879, số máy 152FMI460879 đã trả lại cho bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận chính bị cáo là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là xe mô tô BKS 78U1-4857 của Nguyễn Anh C.

Tại bản cáo trạng số 04/CT - VKS ngày 10/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố bị cáo Phạm Văn B về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo B có hành vi lén lút trộm cắp một xe mô tô BKS 78U1-4857 trị giá 1.600.000đ tuy giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt dưới 2.000.000đ nhưng do bị cáo đã từng bị xét xử về tội "Cướp tài sản" chưa được xóa án tích lại phạm tội. Hành vi của bị cáo Phạm Văn B đã đủ yêu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 BLHS. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo B về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 10/01/2018. Ngày 14/5/2010, bị cáo B bị TAND tỉnh Phú Yên xử phạt 02 năm tù giam về tội "Cố ý gây thương tích" chấp hành xong ngày 30/8/2011, đến ngày 31/5/2013, bị TAND thị xã Sông Cầu xử phạt 03 năm tù giam về tội "Cướp tài sản" bị cáo phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích nên thời hạn xóa án tích tính từ ngày chấp hành xong bản án mới là ngày 06/03/2016 nhưng đến ngày 18/10/2017 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như vậy lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS, theo tiểu mục 7.3 Nghị quyết số 01 ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo B thật thà khai báo, phạm tội gây thiệt hại không lớn đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p,g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này cho bị cáo, từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p, g khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo B với mức án từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận xong, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô 78U1-4857 nhãn hiệu Yamaha Haikd kiểu dáng wave, số loại 110, sống khung 88B460879, số máy 152FMI460879 đã trả lại cho bị hại nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên thị xã Sông Cầu đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của Phạm Văn B tại phiên tòa sơ thẩm và tại cơ quan điều tra phù hợp nhau, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, thời gian, địa điểm, tài sản mà bị cáo trộm cắp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Chính bị cáo Phạm Văn B có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô BKS 78U1-4857 của Nguyễn Anh C vào khoảng 01 giờ ngày 18/10/2017 tại thôn Hòa T, xã Xuân H, thị xã C, tỉnh Phú Yên, trị giá 1.600.000 đồng. Tuy giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt dưới mức định lượng là 2.000.000đ nhưng ngày 31/5/2013 bị cáo Bi bị Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp tài sản", chấp hành xong ngày 06/03/2016 đến ngày 18/10/2017 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như vậy bị cáo phạm tội trong trường hợp chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo B đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, quyết định truy tố tại bản Cáo trạng số 04/CT - VKS ngày 10/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hậu quả, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đối với bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình nhưng chỉ vì muốn có phương tiện để đi lại mà bị cáo đã bất chấp pháp luật nên đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, bị cáo đã từng bị Tòa án xử phạt về tội "Cố ý gây thương tích", "Cướp tài sản" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân trở thành người tốt và có ích cho xã hội mà tiếp tục có hành vi lén lút trộm cắp tài của người khác, điều đó cho thấy bị cáo không biết ăn năn hối cải. Ngày 14/5/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 02 năm tù giam về tội "Cố ý gây thương tích chấp hành xong ngày 30/8/2011, đến ngày 31/5/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu xử phạt 03 năm tù giam về tội "Cướp tài sản" bị cáo phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích nên thời hạn xóa án tích tính từ ngày chấp hành xong bản án mới nhưng đến ngày 18/10/2017 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như vậy bị cáo phạm tội trong trường hợp chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS nên cần phải xử lý nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ mà bị cáo đã gây ra và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này cho xã hội. Tuy nhiên sau khi phạm tội, bị cáo thật thà khai báo, phạm tội gây thiệt hại không lớn đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này cho bị cáo để xem xét phần nào về hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[4] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p,g khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu gì và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu gì nên hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: 01 xe mô tô 78U1-4857 nhãn hiệu Yamaha Haikd kiểu dáng wave, số loại 110, sống khung 88B460879, số máy 152FMI460879 đã trả lại cho bị hại nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 138; điểm p,g khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Phạt: Bị cáo Phạm Văn B **09** ***(Chín)*** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về án phí: Áp khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phạm Văn B phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THA dân sự thị xã Sông Cầu;
- Công an thị xã Sông Cầu;
- Bị cáo;Bị hại; người có QLNVLQ
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hoàng